

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 22/6/2018;
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Thế Tụng**;

2/ Bà **Dương Hiền Huệ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXX-ST ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thị Bé A** – sinh năm: 1991;

HKTT: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp M1, xã N1, TP. Y, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Huỳnh Quốc B** - sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bé A trình bày:

Chị và anh Huỳnh Quốc B cưới nhau vào năm 2010 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2010. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không phúc. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 5/2017. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Quốc B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Bé A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh Huỳnh Quốc B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày cuộc sống vợ chồng chị cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B nhậu về đánh đập chị rất nhiều lần và bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé A.

Chị Lê Thị Bé A được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B.

2. Án phí: Chị Lê Thị Bé A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36369 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy chị A đã thi hành xong.

3. Chị Lê Thị Bé A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Quốc B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy